

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 1960 /UBND-KGVX
V/v triển khai thực hiện Kế hoạch
số 225-KH/TU ngày 13/02/2023
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 09 tháng 03 năm 2023

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- Các trường Đại học trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện Kế hoạch số 225-KH/TU ngày 13/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) và Kế hoạch số 194-KH/TU ngày 29/7/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” (*file điện tử đính kèm*); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Giao các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương, các trường Đại học trên địa bàn tỉnh căn cứ các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch số 10046/KH-UBND ngày 23/10/2014 về triển khai thực hiện Kế hoạch số 194-KH/TU ngày 29/7/2014 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Kế hoạch số 13200/KH-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Kế hoạch số 298-KH/TU ngày 09/9/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Khẩn trương tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kế hoạch số 194-KH/TU ngày 29/7/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX) bằng hình thức phù hợp, xây dựng báo cáo theo hướng dẫn tại đề cương đính kèm Kế hoạch số 225-KH/TU ngày 13/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và gửi về Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Cán sự đảng UBND tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp) **trước ngày 15/4/2023**.

2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các trường Đại học trên địa

bàn tỉnh cùng các đơn vị liên quan xây dựng tiêu chí khen thưởng **trước ngày 21/4/2023**, đồng thời triển khai, hướng dẫn các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kế hoạch số 194-KH/TU ngày 29/7/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX); tổng hợp danh sách đề xuất khen thưởng gửi Sở Nội vụ thẩm định **trước ngày 05/5/2023**.

3. Giao Sở Nội vụ rà soát, thẩm định danh sách các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kế hoạch số 194-KH/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX) do Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp gửi, tham mưu Ban Cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến về hồ sơ đề nghị khen thưởng **trước ngày 19/5/2023**.

4. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nội dung chỉ đạo tại mục 1 Văn bản này; tổng hợp kết quả thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kế hoạch số 194-KH/TU ngày 29/7/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX) trên địa bàn tỉnh, tham mưu Ban Cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh ủy **trước ngày 05/5/2023**.

5. Giao Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nội dung chỉ đạo tại mục 2, mục 3, mục 4 văn bản này, kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo xử lý nếu việc thực hiện không đảm bảo thời gian quy định.

Đề nghị các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai thực hiện các nội dung chỉ đạo trên đảm bảo thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh (KGVX);
- Lưu: VT, KGVX (N).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 225-KH/TU

Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH

tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) và Kế hoạch số 194-KH/TU ngày 29/7/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”

Thực hiện Kế hoạch số 244-KH/BTGTW ngày 17/01/2023 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) (viết tắt là Nghị quyết số 29-NQ/TW) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kế hoạch số 194-KH/TU ngày 29/7/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX) (viết tắt là Kế hoạch số 194-KH/TU) trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Đánh giá toàn diện, sâu sắc công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kế hoạch số 194-KH/TU. Nêu rõ những việc làm được, những kết quả nổi bật; hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU; đồng thời đề ra nhiệm vụ, giải pháp thiết thực đẩy nhanh tiến độ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, địa phương, đơn vị, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh về quan điểm “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội”; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của tỉnh trong tình hình mới.

- Trên cơ sở đó, đề xuất những nội dung thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo nhằm tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, phục vụ đắc lực các

mục tiêu chiến lược mà Đại hội XIII của Đảng đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Nghị quyết của Tỉnh ủy năm 2023.

- Việc tổng kết Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kế hoạch số 194-KH/TU cần được đánh giá đúng thực tế, khách quan, thiết thực và hiệu quả, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu về nội dung cần tập trung tổng kết, đánh giá tại kế hoạch này; bám sát hướng dẫn, chỉ đạo của Ban Tuyên giáo Trung ương, tình hình kết quả cụ thể của địa phương; các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan về giáo dục và đào tạo của tỉnh, đảm bảo tiến độ thời gian theo quy định; đồng thời, việc tổng kết phải phát huy tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành, đơn vị, địa phương đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

II. NỘI DUNG TỔNG KẾT

Đánh giá khách quan, toàn diện kết quả 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU gắn với việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của tỉnh, trong đó tập trung vào một số nội dung sau:

1. Tình hình triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát và sơ kết, tổng kết Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU.

- Kết quả 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU bao gồm: thành tựu đạt được (đánh giá toàn diện những kết quả đạt được trên tất cả các nội dung được nêu trong Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU); hạn chế, khuyết điểm (đánh giá đúng thực chất, chỉ rõ những hạn chế, khuyết điểm trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU, nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan đối với những hạn chế, khuyết điểm).

2. Những mô hình hay, cách làm hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU.

3. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chỉ thị số Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU.

4. Bài học kinh nghiệm.

5. Bối cảnh và những vấn đề mới đặt ra.

6. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp.

7. Đề xuất, kiến nghị nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, xử lý những vấn đề bức xúc, nhạy cảm trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh; tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong tình hình mới.

(Đề cương báo cáo gửi kèm theo).

III. CÁCH THỨC VÀ THỜI GIAN TỔNG KẾT

- Các cấp ủy đảng trực thuộc tỉnh; các ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, đơn vị, ngành để lựa chọn hình thức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kế hoạch số 194-KH/TU đảm bảo phù hợp, hoàn thành trước **ngày 15/5/2023**.

- Đối với cấp tỉnh: Tổ chức tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kế hoạch số 194-KH/TU theo hình thức phù hợp; báo cáo Ban Tuyên giáo Trung ương theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng trực thuộc tỉnh, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU ở địa phương, đơn vị mình đảm bảo thời gian quy định, gửi báo cáo theo đề cương đính kèm về Thường trực Tỉnh ủy *(qua Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy)* trước **ngày 15/5/2023**; lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kế hoạch số 194-KH/TU để tổ chức khen thưởng, gửi hồ sơ về Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh *(qua Sở Nội vụ)* tổng hợp trước **ngày 15/5/2023**.

2. Giao Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh: 00

- Chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kế hoạch số 194-KH/TU về “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*” trên địa bàn tỉnh theo hình thức phù hợp; đồng thời, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương để tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy dự thảo báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kế hoạch số 194-KH/TU, trình Thường trực Tỉnh ủy *(qua Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy)* trước **ngày 29/5/2023**.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng tiêu chí khen thưởng, hướng dẫn, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kế hoạch

số 194-KH/TU để tổ chức khen thưởng theo hình thức phù hợp, gửi hồ sơ khen thưởng về Thường trực Tỉnh ủy trước **ngày 29/5/2023**.

3. Giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện tổng kết thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kế hoạch số 194-KH/TU của các cấp ủy trực thuộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan; đồng thời chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng UBND tỉnh tổng hợp báo cáo và tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy dự thảo báo cáo tổng kết 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU.

- Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, đội ngũ báo cáo viên các cấp tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến những nội dung cơ bản của Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU và những kết quả đạt được trong quá trình triển khai thực hiện; chú trọng tuyên truyền những kết quả nổi bật, bài học kinh nghiệm và biểu dương tập thể, cá nhân điển hình trong thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU; những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới với hình thức đa dạng, phù hợp trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai về việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI); Kế hoạch số 194-KH/TU ngày 29/7/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX) về *“Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”* trên địa bàn tỉnh; đề nghị các cơ quan, đơn vị chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, đảm bảo yêu cầu, nội dung và tiến độ thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Các đồng chí TUV,
- Các cấp ủy trực thuộc tỉnh,
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
- Các BCS đảng, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- CP.VPTU - K, C3,
- Lưu VPTU.

Đồng kính gửi:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Tuyên giáo Trung ương.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ



Hồ Thanh Sơn



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI); Kế hoạch số 194-KH/TU ngày 29/7/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 225-KH/TU, ngày 13 tháng 02 năm 2023)

PHẦN THỨ NHẤT

Bối cảnh quốc tế, trong nước và công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI); Kế hoạch số 194-KH/TU ngày 29/7/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX)

I. Bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

Đánh giá bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước; đặc điểm của địa phương, cơ quan, đơn vị; những yếu tố tác động đến quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo qua 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI); Kế hoạch số 194-KH/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

II. Quá trình quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 29-NQ/TW; Kế hoạch số 194-KH/TU

- Đánh giá quá trình học tập, nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết số 29-NQ/TW của các cấp, các ngành, địa phương. Chỉ rõ phương thức, tiến độ triển khai; đánh giá hiệu quả của các hội nghị quán triệt Nghị quyết số 29-NQ/TW.

- Đánh giá hình thức, nội dung, hiệu quả tuyên truyền về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tới cán bộ, đảng viên và nhân dân; đánh giá về mức độ đồng thuận, ủng hộ của nhân dân đối với các hoạt động đổi mới giáo dục.

2. Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; Kế hoạch số 194-KH/TU

- Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo; xây dựng chương trình, kế hoạch, hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của các cấp, các ngành. Việc thể chế hóa các nội dung Nghị quyết số 29-NQ/TW thành các quy định cụ thể để thực hiện thống nhất trong Đảng, hệ thống chính trị và trong xã hội.

- Đánh giá quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai các đề án thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; chỉ rõ những nội dung đã hoàn thành và đang áp dụng trong thực tiễn (hiệu quả xã hội của các đề án) hoặc chưa hoàn thành (chưa thực hiện).

- Công tác kiểm tra, giám sát, các hoạt động sơ kết, tổng kết Nghị quyết số 29-NQ/TW; Kế hoạch số 194-KH/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế qua các giai đoạn 05 năm, 10 năm; việc gắn các nội dung của Nghị quyết số 29-NQ/TW; Kế hoạch số 194-KH/TU với việc kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động đơn vị hàng năm, cả nhiệm kì.

PHẦN THỨ HAI

Kết quả, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm qua 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; Kế hoạch số 194-KH/TU

I. Kết quả đạt được qua 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; Kế hoạch số 194-KH/TU

1. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí của nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo

- Đánh giá khái quát về việc ban hành cơ chế, chính sách; chương trình, kế hoạch, đề án triển khai quan điểm “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, được ưu tiên đi trước một bước trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội”; mức độ hiểu biết và ủng hộ của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Đánh giá kết quả Công tác phát triển đảng, công tác chính trị, tư tưởng trong các trường học. Vai trò của chi bộ, đảng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Công tác dự báo, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của bộ, ngành, địa phương; kết quả thực hiện chính sách đặt hàng đào tạo nguồn nhân lực.

- Đánh giá kết quả giải quyết các hiện tượng tiêu cực kéo dài, gây bức xúc xã hội (bệnh thành tích trong giáo dục; hiện tượng quá tải trong giáo dục; tình trạng dạy thêm, học thêm; bạo lực học đường và sự xuống cấp về đạo đức của một bộ phận học sinh, sinh viên, ...).

2. Về đổi mới đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học

- Đánh giá khái quát về việc ban hành cơ chế, chính sách; chương trình, kế hoạch, đề án triển khai giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; kết hợp dạy người, dạy chữ và dạy nghề. Một số kết quả nổi bật đạt được của giáo dục, đào tạo phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Công tác giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Đánh giá kết quả đạt được trong việc:

+ Đổi mới phương pháp theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học, tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học.

+ Đổi mới hình thức tổ chức dạy học theo hướng đa dạng hình thức học tập, chú trọng các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học.

- Đánh giá kết quả đạt được nổi bật của công tác giáo dục quốc phòng, an ninh và hướng nghiệp; dạy ngoại ngữ, tin học theo hướng chuẩn hóa, thiết thực, đảm bảo năng lực sử dụng của người học.

- Công tác dạy tiếng nói và chữ viết của các dân tộc thiểu số; dạy tiếng Việt và truyền bá văn hóa dân tộc cho người Việt Nam ở nước ngoài.

- Đánh giá hoạt động xây dựng chương trình theo hướng tinh giản nội dung; phát triển phẩm chất, năng lực người học; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Kết quả đạt được triển khai cụ thể cho giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học.

3. Về đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan

- Đánh giá khái quát việc ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn; chương trình, kế hoạch, đề án triển khai đổi mới hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan.

Những kết quả nổi bật đạt được trong đổi mới thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo.

- Những xu hướng tiên tiến và tin cậy trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục và đào tạo đã được áp dụng trong giáo dục và đào tạo so với thời điểm trước khi ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW; Kế hoạch số 194-KH/TU.

- Lộ trình, phương án đổi mới và kết quả đạt được trong thi và công nhận tốt nghiệp phổ thông theo hướng giảm áp lực, tốn kém cho xã hội, đảm bảo độ tin cậy, trung thực, làm cơ sở cho tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

- Công tác đánh giá diện rộng ở phổ thông, làm cơ sở điều chỉnh chính sách về giáo dục và đào tạo.

- Đánh giá sự phát triển của hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục; hoạt động kiểm tra, đánh giá, kiểm soát chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục ngoài công lập, cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài.

- Công tác tuyển dụng, sử dụng lao động đã qua đào tạo theo hướng chú trọng năng lực, chất lượng, hiệu quả công việc thực tế; Coi sự chấp nhận của thị trường lao động đối với người học là tiêu chí quan trọng để đánh giá uy tín, chất lượng của cơ sở giáo dục đại học, nghề nghiệp.

4. Về hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập

- Đánh giá khái quát việc ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn; chương trình, kế hoạch, đề án triển khai xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, liên thông; học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Những kết quả đạt được nổi bật trong việc xây dựng hệ thống giáo dục mở.

- Kết quả Quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học gắn với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực. Công tác phân tầng, xếp hạng giáo dục đại học; quy hoạch mạng lưới các cơ sở đào tạo giáo viên.

- Đánh giá kết quả đầu tư, củng cố, phát triển một số cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp đạt trình độ tiên tiến khu vực và thế giới; kết quả hoàn thiện mô hình đại học quốc gia và đại học vùng.

- Kết quả công tác hướng nghiệp, phân luồng sau trung học cơ sở, trung học phổ thông; sự liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

- Công tác sắp xếp, điều chỉnh mạng lưới các trường đại học, cao đẳng và các viện nghiên cứu theo hướng gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học; gắn đào tạo, bồi dưỡng năng lực, kỹ năng nghề tại cơ sở sản xuất, kinh doanh; huy động sự tham gia của xã hội trong xây dựng, điều chỉnh, thực hiện chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người học.

- Đánh giá chủ trương khuyến khích xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển các trường chất lượng cao ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; tăng tỉ lệ trường ngoài công lập đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

5. Về đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng

- Đánh giá khái quát việc ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn; chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động triển khai đổi mới công tác quản lý giáo dục, đào tạo theo hướng đảm bảo dân chủ, thống nhất, tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục và đào tạo; những kết quả nổi bật đạt được trong đổi mới công tác quản lý giáo dục.

- Việc ban hành các văn bản, quy chế, công tác phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo với cơ quan quản lý theo ngành, lãnh thổ của các bộ, ngành, địa phương đảm bảo sự liên thông, tính hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.

- Đánh giá kết quả thực hiện chủ trương “cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo địa phương tham gia quyết định về quản lý nhân sự, tài chính cùng với quản lý thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp”.

- Công tác chuẩn hóa các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; quản lý chất lượng đầu ra; xây dựng hệ thống kiểm định độc lập về chất lượng giáo dục và đào tạo; sự phân định giữa quản lý nhà nước và quản trị cơ sở giáo dục.

- Công tác quản lý cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam; quản lý học sinh, sinh viên Việt Nam đi học tại nước ngoài bằng ngân sách nhà nước và theo hiệp định nhà nước.

- Kết quả triển khai chủ trương “Đẩy mạnh phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo”; “giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo; phát huy vai trò của hội đồng trường”. Công tác giám sát của các chủ thể trong nhà

trường và xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý các cấp; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

6. Về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

- Đánh giá khái quát về việc ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn; chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Những kết quả nổi bật đạt được trong công tác phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

- Công tác xây dựng, ban hành, triển khai chuẩn nhà giáo; hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên nâng chuẩn, đạt chuẩn theo hướng nâng chuẩn trình độ, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên mầm non, tiểu học.

- Chính sách phát triển, quy hoạch mạng lưới các cơ sở đào tạo giáo viên ở trung ương và địa phương; chính sách thu hút và sự hấp dẫn của các trường sư phạm đối với học sinh giỏi theo học.

- Việc ban hành các chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kết quả triển khai chế độ ưu đãi và tuổi nghỉ hưu hợp lý đối với nhà giáo có trình độ cao; mức độ thực hiện chủ trương “Lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng”.

- Chính sách hỗ trợ giảng viên trẻ về chỗ ở, học tập và nghiên cứu khoa học; huy động chuyên gia quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giảng dạy và nghiên cứu ở các cơ sở giáo dục, đào tạo trong nước.

7. Về đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo

- Đánh giá khái quát việc ban hành văn bản, hướng dẫn; các chương trình, đề án, hoạt động đổi mới chính sách, cơ chế tài chính; huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo. Những kết quả nổi bật đạt được về đổi mới chính sách cơ chế, tài chính cho giáo dục.

- Tổng chi ngân sách cho giáo dục hàng năm so với yêu cầu tối thiểu 20% tổng chi ngân sách; đánh giá cơ cấu chi, mức độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn để nâng cao chất lượng, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Đánh giá hiệu quả đầu tư các chương trình, đề án trọng điểm phục vụ phát triển giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học; giáo dục vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Việc ban hành chính sách và kết quả thực hiện huy động nguồn lực xã hội trong và ngoài nước đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo; hoạt động liên doanh, liên kết với các cơ sở giáo dục trong nước, nước ngoài.

- Chính sách tín dụng, ưu tiên, học bổng, hỗ trợ tài chính cho các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, học sinh có hoàn cảnh khó khăn đảm bảo cơ hội tiếp cận công bằng giáo dục và đào tạo.

8. Về nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý

- Đánh giá khái quát việc ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn; chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý. Những kết quả nổi bật đạt được trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

- Thể chế, đầu tư nâng cao năng lực, chất lượng và hiệu quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của các cơ sở giáo dục đại học; gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu, giữa các cơ sở đào tạo với các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Kết quả thực hiện chủ trương “ưu tiên đầu tư phát triển khoa học cơ bản, khoa học mũi nhọn, phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành, trung tâm công nghệ cao, cơ sở sản xuất thử nghiệm hiện đại trong một số cơ sở giáo dục đại học”.

- Công tác sáp nhập một số tổ chức nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ với các trường đại học công lập; khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học; thành lập viện, trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hỗ trợ đăng ký và khai thác sáng chế, phát minh trong các cơ sở đào tạo.

- Đánh giá việc thực hiện chủ trương “Tập trung đầu tư nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu khoa học giáo dục quốc gia. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyên gia giáo dục. Triển khai chương trình nghiên cứu quốc gia về khoa học giáo dục”.

9. Về chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo

- Đánh giá khái quát việc ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn; chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo.

- Xu hướng tăng trưởng về quy mô đào tạo ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách trong và ngoài nhà nước; tác động của chính sách đào tạo ở nước ngoài tới phát triển giáo dục và đào tạo trong nước.

- Các hình thức liên kết, hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo; cơ chế, chính sách quản lý chất lượng, hiệu quả của các hoạt động liên kết, hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo.

- Việc xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ ở Việt Nam.

Lưu ý: Từ mục 1 đến mục 9 trong phần I. Kết quả đạt được qua 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; Kế hoạch số 194-KH/TU tại mỗi nội dung phải có sự đánh giá và kèm theo số liệu cụ thể để chứng minh.

II. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

1. Hạn chế, khuyết điểm

Tập trung phân tích và làm rõ những hạn chế, khuyết điểm trong nghiên cứu, học tập, triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW và Kế hoạch số 194-KH/TU; văn bản thể chế hóa về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; quá trình tổ chức thực hiện, việc thực hiện các mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, chủ trương và giải pháp được nêu trong Nghị quyết số 29-NQ/TW; Kế hoạch số 194-KH/TU.

Năng lực tổ chức quản lý, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết 29-NQ/TW; Kế hoạch số 194-KH/TU.

2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan

III. Một số mô hình hay, cách làm hiệu quả trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; Kế hoạch số 194-KH/TU.

IV. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; Kế hoạch số 194-KH/TU.

V. Một số bài học kinh nghiệm

PHẦN THỨ BA

**Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu,
tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo**

I. Dự báo tình hình

Bối cảnh trong nước và quốc tế, tình hình địa phương; quy hoạch, chiến lược, dự báo nguồn nhân lực gắn với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, vùng, địa phương; những diễn biến, xu hướng đáng lưu ý về kinh tế - xã hội, về khoa học công nghệ ảnh hưởng tới đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tới.

II. Phương hướng

Chỉ rõ phương hướng tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trên cơ sở đánh giá kết quả thực 10 năm thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW; Kế hoạch số 194-KH/TU, bám sát định hướng phát triển giáo dục và đào tạo trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, trong các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư triển khai Nghị quyết Đại hội XIII, Nghị quyết đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI; xu hướng phát triển thế giới về giáo dục và đào tạo trong bối cảnh tác động sâu rộng và toàn diện của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

III. Nhiệm vụ, giải pháp

Các nhiệm vụ, giải pháp hướng tới tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng; tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; gắn các nhiệm vụ, giải pháp với hiện thực hóa quan điểm “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu”; khắc phục những tồn tại, hạn chế, yếu kém trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-CT/TW; nhân rộng, phát huy những mô hình tốt, cách làm hay trong đổi mới giáo dục và đào tạo; tạo được sự đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng được những quan điểm mới, yêu cầu mới.

IV. Đề xuất, kiến nghị

- Bộ Chính trị;
- Ban Bí thư;
- Đảng đoàn Quốc hội;
- Ban cán sự đảng Chính phủ;
- Các ban, bộ, ngành Trung ương.

Kiến nghị, đề xuất đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trung ương, đảm bảo tính đồng bộ khi triển khai thực hiện.

Các kiến nghị, đề xuất cần xuất phát từ quan điểm “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu”, tập trung đầu tư, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

PHỤ LỤC 1

MỘT SỐ VĂN BẢN BAN HÀNH TỪ 2013 – 2023
triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU

1. Văn bản của Tỉnh ủy

.....
.....
.....
.....

2. Văn bản UBND tỉnh

.....
.....
.....
.....

3. Văn bản của các cơ quan, đơn vị

- Sở Giáo dục và Đào tạo
- Sở Lao động Thương binh và Xã hội
- Các cơ quan, đơn vị khác...

PHỤ LỤC 2

SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC MẦM NON GIAI ĐOẠN 2013 – 2023
triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013								
2014								
2015								
2016								
2017								
2018								
2019								
2020								
2021								
2022								

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học MN; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường MN; (4). Số trường MN ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học MN; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên MN; (8). Số giáo viên MN đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 3

SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC TIỂU HỌC GIAI ĐOẠN 2013 – 2023
triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013								
2014								
2015								
2016								
2017								
2018								
2019								
2020								
2021								
2022								

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học TH; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường TH; (4). Số trường TH ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học TH; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên TH; (8). Số giáo viên TH đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 4

SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC THCS GIAI ĐOẠN 2013 – 2023
 triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013								
2014								
2015								
2016								
2017								
2018								
2019								
2020								
2021								
2022								

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học THCS; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường THCS; (4). Số trường THCS ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học THCS; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên THCS; (8). Số giáo viên THCS đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 5

SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC THPT GIAI ĐOẠN 2013 – 2023
triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013								
2014								
2015								
2016								
2017								
2018								
2019								
2020								
2021								
2022								

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học THPT; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường THPT; (4). Số trường THPT ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học THPT; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên THPT; (8). Số giáo viên THPT đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 6

SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2013 – 2023
triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU

Năm	Sinh viên		Cơ sở vật chất				Giảng viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013								
2014								
2015								
2016								
2017								
2018								
2019								
2020								
2021								
2022								

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học nghề; (2). Số sinh viên theo học nghề sau tốt nghiệp THCS; (3). Tổng số cơ sở GDNN; (4). Số cơ sở GDNN ngoài công lập; (5). Số cơ sở đào tạo sơ, trung cấp; (6). Số cơ sở đào tạo cao đẳng; (7). Tổng số nhà giáo GDNN; (8). Số nhà giáo GDNN đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 7

SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC GIAI ĐOẠN 2013 – 2023
 Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU

Năm	Sinh viên			Cơ sở vật chất			Giảng viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013								
2014								
2015								
2016								
2017								
2018								
2019								
2020								
2021								
2022								

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học đại học; (2). Số học sinh theo học các trường sư phạm; (3). Số học sinh du học; (4). Số cơ sở GDĐH; (5). Số cơ sở GDĐH ngoài công lập; (6). Số cơ sở GDĐT tư thục không vì lợi nhuận; (7). Tổng số giảng viên GDĐT; (8). Số giảng viên có trình độ TS trở lên.

PHỤ LỤC 8

MỘT SỐ CHỈ SỐ LIÊN QUAN TỚI GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2013 – 2023
triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU

Năm	Tiếp cận và công bằng giáo dục					Chỉ số về nguồn nhân lực			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2013									
2014									
2015									
2016									
2017									
2018									
2019									
2020									
2021									
2022									

Ghi chú: (1). Tỷ lệ trẻ 3 đến 5 tuổi học mẫu giáo; (2). Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình TH vào lớp 6; (3). Tỷ lệ học sinh lưu ban và bỏ học ở THCS; (4). Tỷ lệ HS theo học nghề sau THCS; (5). Số sinh viên/vạn dân; (6). Tỷ lệ lao động qua đào tạo; (7). Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ; (8). Chỉ số nguồn nhân lực (HCI); (9). Chỉ số phát triển con người (HDI).

PHỤ LỤC 9

CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2013 – 2023
triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, Kế hoạch số 194-KH/TU

STT	Tên chương trình, kế hoạch, dự án	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kinh phí xã hội hóa	Kết quả
1					
2					
..					
Tổng kinh phí thực hiện:					

Ghi chú: Thống kê đầy đủ các chương trình, kế hoạch, đề án đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo thuộc chức năng quản lý nhà nước của bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.
